

THÔNG BÁO

Về việc nhận đăng ký nguyện vọng xét tuyển và điểm nhận hồ sơ xét tuyển theo phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 trình độ đại học hình thức chính quy của Trường Đại học Tài chính – Marketing

Trường Đại học Tài chính - Marketing thông báo nhận đăng ký nguyện vọng xét tuyển và điểm nhận hồ sơ xét tuyển theo **phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022** đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy như sau:

1. Mã trường tuyển sinh và phạm vi tuyển sinh:

- a. Mã trường tuyển sinh: **DMS**
- b. Phạm vi tuyển sinh: tuyển sinh trong cả nước.

2. Đối tượng và phương thức tuyển sinh:

- a. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT có kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 các bài thi/môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển theo các ngành đào tạo, chương trình đào tạo của Trường, đồng thời thỏa mãn điều kiện về Điểm nhận hồ sơ xét tuyển (mục 4.)
- b. Phương thức tuyển sinh:
 - **Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 (Phương thức 5 theo Đề án tuyển sinh năm 2022 của Trường)**
 - **Mã phương thức xét tuyển trên Hệ thống: 100.**

3. Tổ hợp môn xét tuyển:

- Tổ hợp A00: Toán – Vật lý – Hóa học.
- Tổ hợp A01: Toán – Vật lý – Tiếng Anh.
- Tổ hợp D01: Toán – Ngữ văn – Tiếng Anh.
- Tổ hợp D72: Ngữ văn – Tiếng Anh – Khoa học tự nhiên (tổ hợp các môn Vật lý, Hóa học, Sinh học).
- Tổ hợp D78: Ngữ văn – Tiếng Anh – Khoa học xã hội (tổ hợp các môn Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân).
- Tổ hợp D96: Toán – Tiếng Anh – Khoa học xã hội (tổ hợp các môn Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân).

4. Điểm nhận hồ sơ xét tuyển: 19,00 điểm.

- a. Điểm nhận hồ sơ xét tuyển áp dụng cho tất cả các ngành tuyển sinh trình độ đại học chính quy thuộc các chương trình đào tạo (chương trình chuẩn, chương trình đặc thù, chương trình chất lượng cao, chương trình chất lượng cao tiếng Anh toàn phần), không phân biệt tổ hợp xét tuyển.
- b. Điểm nhận hồ sơ xét tuyển nói trên là tổng điểm thi của 3 môn thi/bài thi trong tổ hợp xét tuyển, không nhân hệ số, được làm tròn đến hai chữ số thập phân, không có bài thi/môn thi nào trong tổ hợp xét tuyển có kết quả từ 1,0 điểm trở xuống.

✓

- c. Điểm nhận hồ sơ xét tuyển nói trên là mức điểm dành cho thí sinh THPT, khu vực 3 thuộc diện không hưởng ưu tiên theo đối tượng chính sách. Trường hợp thí sinh hưởng chính sách ưu tiên trong tuyển sinh thì Điểm nhận hồ sơ xét tuyển được tính chênh lệch giảm tương ứng với mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm và mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm tương ứng với tổng điểm 3 bài thi/môn thi (trong tổ hợp môn xét tuyển) không nhân hệ số theo thang điểm 10.

5. Nguyên vọng đăng ký xét tuyển:

- a. Thí sinh được đăng ký không hạn chế số lượng nguyện vọng ĐKXT vào các ngành đào tạo thuộc các chương trình đào tạo của Trường (*chương trình chuẩn, chương trình đặc thù, chương trình chất lượng cao, chương trình chất lượng cao tiếng Anh toàn phần*); các nguyện vọng được xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là ưu tiên cao nhất).
- b. Thí sinh đăng ký xét tuyển vào Trường theo phương thức tuyển sinh dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 thì sử dụng các thông tin mã đăng ký xét tuyển như sau:
- Thứ tự nguyện vọng: **theo nguyện vọng xét tuyển của thí sinh**
 - Mã tuyển sinh của Trường Đại học Tài chính – Marketing: **DMS**
 - Mã ngành xét tuyển: **xem chi tiết tại mục 6. (thông tin tại cột MÃ ĐKXT)**
 - Mã phương thức xét tuyển: **100**
 - Mã tổ hợp môn xét tuyển: **xem chi tiết tại mục 6. (thông tin tại cột TỔ HỢP XÉT TUYỂN)**

6. Ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ đại học chính quy:

a. Chương trình chuẩn:

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	MÃ ĐKXT	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
1	Ngành Quản trị kinh doanh , gồm các chuyên ngành: - Quản trị kinh doanh tổng hợp - Quản trị bán hàng - Quản trị dự án	7340101	A00, A01, D01, D96
2	Ngành Marketing , gồm các chuyên ngành: - Quản trị Marketing - Quản trị thương hiệu - Truyền thông Marketing	7340115	A00, A01, D01, D96
3	Ngành Bất động sản , chuyên ngành Kinh doanh bất động sản	7340116	A00, A01, D01, D96
4	Ngành Kinh doanh quốc tế , gồm các chuyên ngành: - Quản trị kinh doanh quốc tế - Thương mại quốc tế - Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	7340120	A00, A01, D01, D96

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	MÃ ĐKXT	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
5	Ngành Tài chính – Ngân hàng , gồm các chuyên ngành: - Tài chính doanh nghiệp - Ngân hàng - Thuế - Hải quan – Xuất nhập khẩu - Tài chính công - Tài chính Bảo hiểm và Đầu tư - Thẩm định giá	7340201	A00, A01, D01, D96
6	Ngành Kế toán , gồm các chuyên ngành: - Kế toán doanh nghiệp - Kiểm toán	7340301	A00, A01, D01, D96
7	Ngành Kinh tế , chuyên ngành Quản lý kinh tế	7310101	A00, A01, D01, D96
8	Ngành Luật kinh tế , chuyên ngành Luật Đầu tư và Kinh doanh	7380107	A00, A01, D01, D96
9	Ngành Toán kinh tế , chuyên ngành Tài chính định lượng	7310108	A00, A01, D01, D96
10	Ngành Ngôn ngữ Anh , chuyên ngành Tiếng Anh kinh doanh	7220201	D01, D72, D78, D96 (điểm bài thi tiếng Anh nhân hệ số 2)
11	Ngành Hệ thống thông tin quản lý , gồm các chuyên ngành: - Hệ thống thông tin kế toán - Tin học quản lý	7340405D	A00, A01, D01, D96

b. Chương trình đặc thù:

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	MÃ ĐKXT	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
1	Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành , chuyên ngành Quản trị lữ hành	7810103D	D01, D72, D78, D96
2	Ngành Quản trị khách sạn , chuyên ngành Quản trị khách sạn	7810201D	D01, D72, D78, D96
3	Ngành Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống , chuyên ngành Quản trị nhà hàng	7810202D	D01, D72, D78, D96

c. Chương trình chất lượng cao:

Chương trình chất lượng cao được tổ chức đào tạo có ít nhất 20% số tín chỉ các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo được giảng dạy bằng Tiếng Anh.

STT	NGÀNH ĐÀO TẠO	CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO	MÃ ĐKXT	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
1	Quản trị kinh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	7340101C	A00, A01,

STT	NGÀNH ĐÀO TẠO	CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO	MÃ ĐKXT	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
	doanh	Quản trị bán hàng		D01, D96
2	Marketing	Quản trị Marketing	7340115C	A00, A01, D01, D96
		Truyền thông Marketing		
3	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	7340301C	A00, A01, D01, D96
4	Tài chính – Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp	7340201C	A00, A01, D01, D96
		Ngân hàng		
		Hải quan – Xuất nhập khẩu		
5	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	7340120C	A00, A01, D01, D96
6	Bất động sản	Kinh doanh bất động sản	7340116C	A00, A01, D01, D96

d. Chương trình chất lượng cao tiếng Anh toàn phần:

Chương trình chất lượng cao tiếng Anh toàn phần được tổ chức giảng dạy hoàn toàn bằng Tiếng Anh, trừ các học phần đặc thù phải giảng dạy bằng tiếng Việt.

STT	NGÀNH ĐÀO TẠO	CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO	MÃ ĐKXT	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
1	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101Q	A00, A01, D01, D96
2	Marketing	Marketing	7340115Q	A00, A01, D01, D96
3	Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế	7340120Q	A00, A01, D01, D96

7. Điểm xét tuyển và xét trúng tuyển:

a. Điểm xét tuyển:

Điểm xét tuyển = Tổng điểm theo tổ hợp xét tuyển + Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (nếu có)

(Điểm xét tuyển được làm tròn đến hai chữ số thập phân)

Trong đó:

- + **Tổng điểm theo tổ hợp xét tuyển:** là tổng điểm các bài thi/môn thi theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi của từng tổ hợp xét tuyển. Điểm bài thi Khoa học Xã hội, Khoa học Tự nhiên là điểm trung bình cộng của các môn thi thành phần.

Riêng ngành Ngôn ngữ Anh, điểm bài thi tiếng Anh được nhân hệ số 2, sau đó quy **Tổng điểm theo tổ hợp xét tuyển** về thang điểm 30 trước khi xét trúng tuyển bằng cách lấy **Tổng điểm theo tổ hợp xét tuyển** của thí sinh nhân với 3, rồi chia cho 4.

Tổng điểm theo tổ hợp xét tuyển được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

- + **Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực:** áp dụng theo quy định trong Quy chế tuyển sinh hiện hành. Cụ thể: Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến

07) là 1,0 điểm và mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm tương ứng với tổng điểm 3 bài thi/môn thi (trong tổ hợp môn xét tuyển) không nhân hệ số theo thang điểm 10

Lưu ý: Trường không sử dụng kết quả miễn thi bài thi môn tiếng Anh, điểm thi được bảo lưu từ các kỳ thi tốt nghiệp THPT các năm trước để xét tuyển theo phương thức này.

b. Xét trúng tuyển:

- + Trường xét trúng tuyển theo Điểm xét tuyển từ cao xuống thấp và xét bình đẳng giữa các nguyện vọng đăng ký trong cùng ngành xét tuyển thuộc từng chương trình đào tạo. Thí sinh chỉ trúng tuyển vào 1 nguyện vọng ưu tiên cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký. Điểm trúng tuyển vào ngành là điểm chuẩn chung cho các tổ hợp xét tuyển của ngành và chương trình đào tạo.
- + Tiêu chí xét tuyển phụ: trường hợp thí sinh bằng điểm trúng tuyển ở cuối danh sách thì Trường sẽ sử dụng tiêu chí xét tuyển phụ sau: xét ưu tiên điểm từ cao xuống thấp của bài thi/môn thi chính trong tổ hợp xét tuyển cho đến khi đủ chỉ tiêu. Nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu, Trường sẽ ưu tiên thí sinh có thứ tự nguyện vọng trúng tuyển cao hơn.

8. Thủ tục, lịch trình và lệ phí xét tuyển:

a. Hồ sơ dự tuyển:

Thí sinh đăng ký nguyện vọng xét tuyển vào Trường theo các yêu cầu trên Hệ thống (qua Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT tại <https://thisinh.thithptquocgia.edu.vn/> hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia).

b. Thời gian xét tuyển:

- Thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển: **từ ngày 22/7 đến 17 giờ 00 ngày 20/8/2022.**
- Thời gian công bố kết quả xét tuyển (sau khi xử lý nguyện vọng trên Hệ thống): **trước 17 giờ 00 ngày 17/9/2022;** Trường công bố kết quả xét tuyển tại <https://tuyensinh.ufm.edu.vn/> và cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển lên Hệ thống.
- Thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học: **trước 17 giờ 00 ngày 30/9/2022** trên Hệ thống; Trường sẽ thông báo thủ tục xác nhận nhập học và quy trình, thủ tục nhập học cho thí sinh trúng tuyển.

Thí sinh đã xác nhận nhập học vào Trường thì không được tham gia xét tuyển ở trường khác hoặc ở các đợt xét tuyển bổ sung.

c. Kinh phí xét tuyển, hình thức nộp và thời gian nộp kinh phí xét tuyển:

Thí sinh thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Bộ GDĐT; thời gian nộp **từ ngày 21/8 đến 17 giờ 00 ngày 28/8/2022.**

9. Học phí:

- a. Học phí Chương trình chuẩn: 19,5 triệu đồng/năm.
- b. Học phí Chương trình chất lượng cao: 36,3 triệu đồng/năm.
- c. Học phí Chương trình đặc thù:

Các ngành Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành: 22,5 triệu đồng/năm.

- d. Học phí Chương trình chất lượng cao tiếng Anh toàn phần: 55 triệu đồng/năm.

Học phí nêu trên được tính bình quân theo từng năm học. Học phí thực tế đóng được tính dựa trên số tín chỉ của các học phần do sinh viên đăng ký học theo từng học kỳ, năm học.

✓

Khi Nhà nước điều chỉnh mức học phí thì Nhà trường xem xét theo quy định và thông báo đến sinh viên trong quá trình đào tạo.

10. Thông tin liên hệ:

Mọi thông tin về tuyển sinh, nghề nghiệp, việc làm, chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra của Trường, thí sinh xem tại <http://ufm.edu.vn/>, <https://tuyensinh.ufm.edu.vn/>, hoặc liên hệ:

- + Trụ sở chính: Phòng Quản lý đào tạo, Trường Đại học Tài chính – Marketing; số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM .
- + Cơ sở Quận 7: Văn phòng Đào tạo chương trình Chất lượng cao (Phòng A.207, 27 Tân Mỹ, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, TP. HCM.
- Điện thoại: (028) 3772.0406 – 3772.0407 – 3772.0404
- Website: www.ufm.edu.vn Email: dms@ufm.edu.vn

Lưu ý: Thí sinh có nhu cầu tìm hiểu thêm thông tin về Chương trình chất lượng cao và Chương trình chất lượng cao tiếng Anh toàn phần, vui lòng liên hệ:

- Chương trình chất lượng cao: 0937.174.752 (thầy Nhân), 0931.450.061 (cô Ngân).
- Chương trình chất lượng cao tiếng Anh toàn phần: (028) 3997.6042 - 0903.019.460 (cô Hồng Nương), 0903.848.285 (cô Chi).

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính, Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu;
- HĐTS 2022;
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Thông báo, website;
- Lưu: VT, QLĐT.



TS. Lê Trung Đạo
PHÓ HIỆU TRƯỞNG